

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 12 – 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Út – Ông Trần Hoàng Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Việt Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham
gia phiên tòa:* Bà Mai Lý Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 707/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng
10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 2000 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Nguyễn Anh K, sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng
mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà
Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Nguyễn Anh K tự nguyện tìm hiểu và
tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận
kết hôn số 34 ngày 06/5/2019. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống hạnh phúc,
nhưng khoảng vài năm trở lại đây phát sinh mâu thuẫn không còn hạnh phúc.

Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau vì những chuyện nhỏ nhặt. Vợ chồng đã không sống cùng nhau 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống và tự lo nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại sống chung hạnh phúc. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông K nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Nguyễn Anh K.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hữu P – sinh ngày 13/02/218. Hiện con chung đang sống cùng bà, ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chồng bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/11/2023, bị đơn ông Lê Nguyễn Anh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 06/5/2019. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng khoảng vài năm trở lại đây phát sinh mâu thuẫn không còn hạnh phúc. Nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau vì những chuyện nhỏ nhặt; dẫn đến vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống và tự lo, ai muốn làm gì thì làm, nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại sống chung hạnh phúc. Vì vậy, Nguyễn Thị Ngọc T xin ly hôn ông, ông cũng đồng ý ly hôn theo như yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị Ngọc T. Ông cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn càng sớm càng tốt, để cả hai cùng an tâm lo làm ăn nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hữu P – sinh ngày 13/02/2018. Ông đồng ý để Nguyễn Thị Ngọc T nuôi con và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng theo như yêu cầu của Nguyễn Thị Ngọc T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Nguyễn Anh K. Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Hữu P – sinh ngày 13/02/2018 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Nguyễn Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Nguyễn Anh K có địa chỉ cư trú tại khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Nguyễn Anh K tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34/2019 ngày 06/5/2019, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Nguyễn Anh K đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; vợ chồng đã không sống cùng nhau 02 năm nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông K đều đồng ý ly hôn, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T ông K có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hữu P - sinh ngày 13/02/2018. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét thấy: Từ khi vợ chồng không còn sống chung, cháu P đều sống cùng bà T và được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cùng ngày 28/11/2023 (BL 17, 19) ông Lê Nguyễn Anh K cũng đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông K đồng ý cấp dưỡng

nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Nguyễn Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Lê Nguyễn Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Nguyễn Anh K.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Hữu P – sinh ngày 13/02/2018 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông Lê Nguyễn Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Nguyễn Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000432 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-T, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Lê Nguyễn Anh K phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm; Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - VKSND TP. PR-TC;
 - Chi cục THADS TP. PR-TC;
 - TAND tỉnh Ninh Thuận;
 - UBND xã Thành Hải
- (Giấy CNKH số 01/2012);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Nguyễn Thanh Thảo